

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Cư

2. Bà Lê Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Huỳnh Xuân V, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Huỳnh Xuân V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Đ. Trước khi kết hôn chị và anh V không tìm hiểu trước,

chị gặp rồi đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn, chị và anh V sống cùng với gia đình chồng tại phường P, thị xã Đ; anh V thường xuyên coi thường chị, mẹ chồng vô cớ đánh chị nhưng anh V không tìm hiểu nguyên nhân mà nghe lời mẹ, chửi đánh chị. Vì vậy, chị đã chuyển về nhà cha, mẹ đẻ ở phường P, thị xã Đ sống đến nay. Từ khi chị và anh V sống ly thân thì chị và anh V phân ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Xuân V.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thị Trúc V1, sinh ngày 25/02/2016. Khi đi khỏi nhà chồng thì anh V không cho chị dẫn con theo, nói để Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, gần đây anh V bận công việc nên đã đồng ý để cháu V1 về sống cùng với chị. Từ khi sinh cháu V1 đến nay thì chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1. Ngoài ra, cháu V1 là nữ, đang tuổi phát triển và hiện nay đang sống cùng với chị nên khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1 để cháu V1 được chăm sóc tốt hơn.

Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Huỳnh Xuân V cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Huỳnh Xuân V nhưng anh V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim N. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N được ly hôn anh Huỳnh Xuân V; về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Trúc V1, sinh ngày 25/02/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Võ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Xuân V và yêu cầu giao con chung Huỳnh Thị Trúc V1 cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Võ Thị Kim N khởi kiện thì bị đơn anh Huỳnh Xuân V có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Huỳnh Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Kim N và anh Huỳnh Xuân V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/3/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim N và anh Huỳnh Xuân V là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Võ Thị Kim N, anh Huỳnh Xuân V xảy ra nhiều mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đã ly thân với anh V và chuyển về sống với cha, mẹ đẻ tại phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh V và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Huỳnh Xuân V, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh V biết chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa nên có thể xác định anh Huỳnh Xuân V không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh V là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Kim N, có căn cứ xác định: Chị Võ Thị Kim N và anh Huỳnh Xuân V có 01 con chung là Huỳnh Thị Trúc V1, sinh ngày 25/02/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu về nuôi con của chị Võ Thị Kim N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Huỳnh Thị Trúc V1 đang sống cùng với chị N, cháu V1 là nữ và có nguyện vọng được sống với mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh V cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu V1, cũng như để đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt cho cháu V1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim N, giao cháu V1 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh Huỳnh Xuân V cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; anh V không có văn bản trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Võ Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N được ly hôn anh Huỳnh Xuân V.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kim N và anh Huỳnh Xuân V có 01 con chung là Huỳnh Thị Trúc V1, sinh ngày 25/02/2016.

Giao con chung Huỳnh Thị Trúc V1 cho chị Võ Thị Kim N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Huỳnh Xuân V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Võ Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001213 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong